

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XXV

### Phẩm 10: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 5

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh vi diệu Đại Niết-bàn suy nghĩ: Pháp nào có thể làm nhân gần cho Đại Niết-bàn? Bồ-tát liền biết, có bốn loại pháp làm nhân gần cho Đại Niết-bàn. Nếu nói siêng tu tất cả việc khó làm là nhân duyên gần của Đại Niết-bàn, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nếu xa lìa bốn pháp mà chứng đắc Niết-bàn thì không có việc ấy. Những gì là bốn? Một là gần gũi bạn lành, hai là chuyên tâm nghe pháp, ba là nhiếp niệm tư duy, bốn là tu hành đúng pháp. Này thiện nam! Ví như có người bị nhiều bệnh. Hoặc nóng, hoặc lạnh, suy nhược, sốt rét, các độc của tà quỷ, đi đến chỗ lương y. Vị lương y liền tùy theo bệnh mà cho thuốc. Người bệnh này hết lòng nghe theo lời chỉ dẫn của lương y, theo lời dặn mà pha chế, uống thuốc đúng cách, uống xong lành bệnh, thân khỏe mạnh, yên vui. Người bị bệnh dụ như Bồ-tát. Vị đại lương y là dụ cho bậc Thiện tri thức. Lời dạy của lương y dụ cho kinh Phương Đẳng. Khéo nghe lời dặn của lương y dụ cho suy nghĩ đúng về ý nghĩa của kinh Phương Đẳng. Theo lời dặn mà pha chế thuốc là dụ cho đúng như pháp tu hành ba mươi bảy pháp trợ đạo. Bệnh lành là dụ cho diệt trừ phiền não. Được an lạc là dụ cho chứng được Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh. Này thiện nam! Ví như có vị vua muốn như pháp cai trị đất nước, khiến cho dân chúng được yên vui nên hỏi các trí thần phương pháp ấy thế nào. Các vị quan liền dùng phương pháp cũ của vị tiên

vương mà tâu với nhà vua. Nhà vua nghe xong hết lòng tin tưởng, thực hành đúng như pháp cai trị đất nước không có các oán địch, cho nên khiến cho dân chúng được yên vui, không bị hoạn nạn. Đây thiện nam! Vị vua là dụ cho chư Bồ-tát. Các bậc thần trí dụ cho bậc Thiện trí thức. Bề tôi trí tuệ đã nói phương pháp cai trị cho vua dụ cho Mười hai bộ loại kinh văn. Nhà vua đã nghe xong, hết lòng tin tưởng thực hành là dụ cho chư Bồ-tát luôn chuyên tâm tư duy ý nghĩa sâu xa của Mười hai bộ loại kinh văn. Đúng pháp trị quốc là dụ cho chư Bồ-tát như pháp tu hành, đó là sáu pháp Ba-la-mật. Nhờ luôn tu tập sáu pháp Ba-la-mật mà không có các oán địch. Không có các oán địch là dụ cho chư Bồ-tát đã xa lìa những giấc ác phiền não, kết sử. Được an vui là dụ cho chư Bồ-tát chứng được thường, lạc, ngã, tịnh của Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Ví như có người bị bệnh hủi, được vị thiện tri thức bảo với người bệnh ấy: “Nếu ông có thể đến bên núi Tu-di thì bệnh được lành. Vì sao? Vì ở đó có thuốc tốt, mùi vị như cam lồ. Nếu người nào có thể uống được thuốc ấy thì bệnh gì cũng lành”. Người ấy hết lòng tin tưởng việc này liền đi đến núi kia hái thuốc cam lồ để uống. Bệnh hủi lành hẳn, thân được an vui. Người bị bệnh hủi là dụ cho các phàm phu. Bậc thiện tri thức là dụ cho chư Đại Bồ-tát. Đốc lòng tưởng làm theo là dụ cho Bốn tâm vô lượng. Núi Tu-di là dụ cho tám Thánh đạo. Vị cam lồ là dụ cho Phật tánh. Bệnh hủi dứt hẳn là dụ cho xa lìa phiền não. Được an vui là dụ cho chứng được thường, lạc, ngã, tịnh của Niết-bàn. Đây thiện nam! Ví như có người nuôi các đệ tử thông minh, lanh lợi, Người này ngày đêm thường dạy dỗ không biết mệt. Chư vị Bồ-tát cũng như vậy, dù tất cả chúng sinh có niềm tin hay không có niềm tin cũng thường giáo hóa không có chán nản, mệt mỏi. Đây thiện nam! Thiện tri thức đó là Bồ-tát, Phật, Phật-bích-chi, Thanh văn và những người tin kinh Phương Đẳng. Sao gọi là thiện tri thức? Thiện tri thức là có thể dạy chúng sinh xa lìa mười điều ác, tu hành mười điều thiện. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, thiện tri thức là nói đúng như pháp, làm đúng như lời nói. Thế nào gọi là nói đúng như pháp, làm đúng như lời nói? Đó là tự mình không sát sinh, dạy người khác không sát sinh, cho đến mình thực hành chánh kiến, dạy người khác

chánh biến. Nếu người nào có thể làm được như vậy thì được gọi là thiện tri thức chân thật. Tự mình tu hành Bồ-đề, cũng có thể dạy người khác tu hành Bồ-đề, do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Tự mình có thể tu hành tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, cũng có thể dạy người khác tu hành tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, lại do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Thiện tri thức là có pháp thiện. Pháp thiện là những gì? Đối với việc làm thì không cầu an lạc cho mình mà luôn vì cầu an lạc cho chúng sinh, thấy người khác có lỗi không nói cái dở của họ mà thường nêu bày những việc thuần thiện. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Đây thiện nam! Như mặt trăng trong hư không từ mỏng một cho đến ngày rằm, dần dần tròn đầy. Bậc Thiện tri thức cũng vậy, khiến cho những người học đạo từ từ xa lìa những pháp ác, tăng trưởng pháp thiện. Đây thiện nam! Nếu có người gôn gủi thiện tri thức, trước đây chưa có giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thì liền có, chưa đầy đủ thì liền được rộng lớn. Vì sao? Vì người ấy được gôn gủi thiện tri thức. Do sự gôn gủi này nên được hiểu rõ nghĩa lý sâu xa của Mười hai bộ loại kinh văn. Nếu người có thể nghe được nghĩa sâu xa của Mười hai bộ loại kinh văn này thì gọi là nghe pháp. Nghe pháp tức là nghe kinh điển Phương Đẳng của Đại thừa. Nghe kinh Phương Đẳng gọi là chân thật nghe pháp. Chân thật nghe pháp chính là nghe, thọ kinh Đại Bát Niết Bàn, ở trong Đại Niết-bàn nghe có Phật tánh, Như Lai hoàn toàn không nhập Niết-bàn, cho nên gọi là chuyên tâm nghe pháp. Chuyên tâm nghe pháp gọi là tám Thánh đạo. Nhờ tám Thánh đạo mà có thể đoạn trừ tham dục, sân giận, ngu si, nên gọi là nghe pháp. Nói nghe pháp là gọi Mười một pháp không. Nhờ những pháp Không này mà đối với tất cả các pháp chẳng tạo tác tướng mạo. Nói nghe pháp là gọi tâm mới phát cho đến tâm Bồ-đề vô thượng rất ráo. Nhờ tâm ban đầu mà chứng được Đại Niết-bàn, chẳng phải do nghe mà chứng Đại Niết-bàn, nhờ tu tập mà chứng Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Ví như người bệnh tuy nghe lương y chỉ dẫn và nghe tên thuốc nhưng chẳng thể lành bệnh mà do uống thuốc mới có thể lành bệnh. Tuy nghe Mười hai pháp nhân duyên sâu xa nhưng không thể đoạn trừ được tất cả phiền não mà cần phải chuyên tâm tư duy mới có thể đoạn trừ

được. Đó gọi là pháp thứ ba nhiếp niệm tư duy. Lại do nghĩa gì mà gọi là nhiếp niệm tư duy? Đó là ba loại Tam-muội: Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác. Không là đối với hai mươi lăm cõi không thấy một cõi nào là thật. Vô tác là đối với hai mươi lăm cõi không khởi sự mong cầu. Vô tướng là không có mười tướng. Đó là tướng sắc, tướng thanh, tướng hương, tướng vị, tướng xúc, tướng sinh, tướng trụ, tướng diệt, tướng nam, tướng nữ. Tu tập ba loại Tam-muội như vậy gọi là Bồ-tát hệ niệm tư duy. Thế nào gọi là như pháp tu hành? Như pháp tu hành tức là tu hành Bồ thí Ba-la-mật cho đến Trí tuệ Ba-la-mật, biết tướng chân thật của Ấm, giới, nhập, cũng biết Thanh văn, Duyên giác, chư Phật cùng ở trong một đạo mà nhập Niết-bàn. Pháp tức là thường, lạc, ngã, tịnh, không sinh, không già, không bệnh, không chết, không đói, không khát, không khổ, không náo, không hư, không mất. Này thiện nam! Người hiểu nghĩa sâu xa của Đại Niết-bàn thì biết được chư Phật hoàn toàn không bao giờ nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Bạc Thiện tri thức chân thật thứ nhất đó là Bồ-tát, chư Phật Thế Tôn. Vì sao? Vì các vị thường dùng ba pháp khéo điều ngự. Những gì là ba? Một là lời nói hoàn toàn dịu hòa, hai là thẳng thắn quả trách, ba là vừa quả trách vừa xoa dịu. Do nghĩa này nên Bồ-tát, chư Phật chính là thiện tri thức chân thật. Lại nữa, này thiện nam! Phật và Bồ-tát là thầy thuốc giỏi nên gọi là thiện tri thức. Vì sao? Vì biết bệnh biết thuốc, tùy theo bệnh mà cho thuốc. Ví như lương y thông thạo tám phương pháp trị bệnh, trước xem tướng bệnh. Tướng có ba loại. Những gì là ba? Đó là phong, nhiệt, thủy. Người bị bệnh phong thì cho họ uống dầu tô. Người bệnh nhiệt thì cho uống đường. Người bệnh thủy thì cho uống nước gừng nóng. Nhờ biết bệnh căn cho đúng thuốc mà được lành bệnh nên gọi là lương y. Phật và Bồ-tát cũng như vậy, biết bệnh của các phàm phu có ba loại: Một là tham dục, hai là sân giận, ba là ngu si. Người bệnh tham dục thì dạy cho họ quán tướng xương. Người bị bệnh sân giận thì dạy cho họ quán tướng tử bi. Người bị bệnh ngu si thì dạy cho họ quán tướng mười hai nhân duyên. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Như vị thuyền trưởng giỏi chèo người nên gọi là thuyền trưởng. Chư

Phật, Bồ-tát cũng như vậy, đưa các chúng sinh qua biển lớn sinh tử. Vì nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, này thiện nam! Nhờ Phật, Bồ-tát làm cho các chúng sinh tu hành đầy đủ đạt được căn bản các pháp thiện. Này thiện nam! Ví như núi Tuyết chính là nơi nguồn gốc của nhiều loại thuốc hay, vi diệu. Phật và Bồ-tát cũng như vậy, đều là nơi căn bản của tất cả điều thiện. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Ở trên núi Tuyết có loại thuốc rất thơm tên là Ta-ha, có người nào thấy được nó thì sống lâu vô lượng, không có bệnh khổ, tuy có bốn thứ độc nhưng cũng không làm tổn thương. Nếu người nào chạm được thì tăng thêm thọ mạng sống đủ một trăm hai mươi tuổi. Nếu có người nhớ nghĩ đến thuốc thì được trí tức mạng. Vì sao? Vì công hiệu của thuốc. Chư Phật Bồ-tát cũng như vậy, nếu có người thấy được chư Phật, Bồ-tát v.v... thì đoạn trừ được tất cả phiền não, tuy có bốn thứ ma nhưng không thể làm nhiều loạn. Nếu người nào tiếp xúc với chư Phật, Bồ-tát thì mạng sống không yếu, không sinh, không tử, không lui, không chìm đắm. Đó gọi là người tiếp xúc hoặc ở bên cạnh Phật nghe và thọ trì diệu pháp. Nếu người nhớ nghĩ thì chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Này thiện nam! Như trong núi Hương, có hồ A-na-bà-đạp-đa, do hồ này nên có bốn con sông lớn, đó là sông Hằng, Tân-đầu, Tư-đà, Bác-xoa. Người đời thường nói: “Nếu người có tội mà tắm ở bốn con sông này thì tội được tiêu diệt”. Nên biết lời nói này là hư dối không chân thật. Trừ những điều này ra thì những ai là chân thật? Chỉ có Phật và Bồ-tát mới là chân thật. Vì sao? Vì nếu người nào gần gũi thì diệt trừ tất cả các tội. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, này thiện nam! Ví như mặt đất có tất cả rừng cây, dược thảo và cả trăm thứ như lúa, mía, hoa, quả, gặp khi trời hạn hán, sắp chết khô, Long vương Nan-đà và Long vương Bà-nan-đà thương xót muôn loài nên từ trong biển bay lên tuôn mưa xuống. Tất cả rừng cây, trăm thứ hoa màu, cỏ cây được thấm nhuần tươi tốt trở lại. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, có bao nhiêu căn lành sắp bị tiêu diệt, chư Phật, Bồ-tát sinh khởi tâm đại từ bi, từ biển trí tuệ tuôn mưa cam lồ khiến cho các chúng sinh được đầy đủ mười pháp thiện trở lại. Do nghĩa này nên

chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Nay thiện nam! Ví như vị lương y thông thạo tám phương pháp, gặp các người bệnh thì không xem xét đến dòng họ, đẹp, xấu, tiền của, châu báu mà đều chữa trị cho họ. Cho nên người đời tôn xưng là đại lương y. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, thấy các chúng sinh có bệnh phiền não thì không xem xét dòng họ, đẹp, xấu, tiền của, châu báu mà khởi tâm từ bi đều thuyết pháp cho họ. Chúng sinh nghe xong, bệnh phiền não tiêu trừ. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Nhờ nhân duyên gần gũi bạn lành này liền được gần với Đại Niết-bàn. Bồ-tát nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần gũi với Đại Niết-bàn là thế nào? Tất cả chúng sinh nhờ nghe pháp mà đầy đủ tín căn, nhờ có tín căn nên thích hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, chứng được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả vị Phật. Do đó, nên biết có được các pháp thiện đều là nhờ diệu lực của nhân duyên nghe pháp. Nay thiện nam! Ví như trưởng giả chỉ có một đứa con, ông sai đi đến nước khác để buôn bán, trao đổi hàng hóa. Ông chỉ cho người con biết chỗ thông suốt, trở ngại của con đường, lại dặn dò: “Nếu gặp dâm nữ thì phải cẩn thận đừng thương yêu, gần gũi. Nếu thương yêu, gần gũi thì thân mạng chẳng còn và tài sản cũng mất. Người xấu, ác cũng đừng giao du”. Người con kính thuận lời dạy bảo của cha nên thân tâm được bình an và thu hoạch nhiều của cải. Đại Bồ-tát rộng thuyết pháp yếu cho chúng sinh cũng lại như thế, chỉ dạy cho chúng sinh và bốn bộ chúng về sự thông suốt và trở ngại của các con đường. Những chúng sinh này nhờ nghe pháp mà xa lìa các pháp ác, đầy đủ pháp thiện. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam! Ví như gương sáng thì soi sáng mặt người, gương sáng nghe pháp cũng như vậy, người nào chiếu soi vào đó thì thấy rõ thiện, ác không có gì che lấp được. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam! Ví như khách buôn muốn đi đến chỗ có của báu mà không biết đường đi, có người chỉ cho. Người ấy theo lời chỉ bảo liền đến được chỗ báu được nhiều của cải, không thể kể xiết. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, muốn đi đến chốn thiện để gặt lấy vật báu của đạo nhưng không biết

chỗ thông suốt, trở ngại của con đường. Bồ-tát chỉ dạy cho họ, chúng sinh nghe theo nên được đến chốn thiện, đạt được vật báu Đại Niết-bàn vô thượng. Do nghĩa này nên nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần gũi Đại Bát Niết Bàn. Đây thiện nam! Ví như voi say cuồng loạn, hung dữ, muốn giết hại nhiều, có nhà huấn luyện voi dùng các móc sắt to móc đầu nó, liền điều phục được, tánh hung dữ không còn. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, bị tham dục, sân giận, ngu si làm mê say nên muốn gây nhiều việc ác. Chư Bồ-tát dùng móc nghe pháp móc họ, khiến cho an trụ, không cho dấy khởi những tâm ác. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần gũi với Đại Niết-bàn. Do đó, bằng bạc khắp trong kinh, Ta đã nói đệ tử của Ta chuyên tâm nghe nhận Mười hai bộ loại kinh văn thì xa lìa năm triền cái, tu tập bảy giác phần, nhờ tu tập bảy giác phần nên được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn. Nhờ nghe pháp mà bậc Tu-đà-hoàn xa lìa các lo sợ. Vì sao? Vì như trưởng giả Tu-đạt thân bị bệnh nặng, tâm vô cùng hoảng sợ, buồn rầu; nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Tu-đà-hoàn có bốn công đức và mười dụ an ủi, nghe việc này xong thì sợ hãi liền dứt. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Vì sao? Vì được khai mở mắt pháp. Thế gian có ba hạng người: Một là đui mù, hai là chỉ có một mắt, ba là có hai mắt. Người đui mù là thường chỉ cho người không nghe pháp. Người một mắt là chỉ cho người tạm thời nghe pháp nhưng tâm người ấy không an trụ. Người hai mắt là chỉ cho người chuyên tâm nghe nhận, như điều đã được nghe mà tu hành. Đó là ba hạng người. Nhờ nghe mà biết được ba hạng người như vậy ở thế gian. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn. Đây thiện nam! Như thuở xưa Ta ở thành Câu-thi-na, khi ấy Xá-lợi-phất bị bệnh khổ, Ta bảo Tỳ-kheo A-nan rộng thuyết pháp cho Xá-lợi-phất. Xá-lợi-phất nghe pháp xong bảo bốn người đệ tử: “Các con hãy khiêng giường bệnh của thầy đến chỗ Đức Phật, thầy muốn được nghe pháp”. Bốn người đệ tử cùng nhau khiêng đi, đến nơi rồi, được nghe pháp, nhờ diệu lực nghe pháp nên bệnh khổ của Xá-lợi-phất được tiêu trừ, thân được an ổn. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần

với Đại Bát Niết Bàn.

Thế nào là Bồ-tát nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn? Nhân sự tư duy này mà tâm được giải thoát. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh thường bị sự trói buộc của năm dục. Nhờ sự tư duy mà được giải thoát. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả chúng sinh thường bị bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh làm điên đảo. Nhờ tư duy nên thấy được các pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh, thấy như vậy rồi thì bốn điên đảo liền đoạn trừ. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả các pháp có bốn tướng. Những gì là bốn? Một là tướng sinh, hai là tướng già, ba là tướng bệnh, bốn là tướng diệt. Vì bốn tướng này có thể làm cho tất cả chúng sinh phạm phu cho đến bậc Tu-đà-hoàn sinh khổ não lớn. Nếu người nào có thể chuyên tâm tư duy thì dù gặp bốn tướng này cũng không sinh khổ não. Do nghĩa này nên nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả các pháp thiện đều nhờ tư duy mà có được. Vì sao? Tuy có người ở trong vô lượng, vô biên, vô số kiếp chuyên tâm nghe pháp nhưng nếu không tư duy thì hoàn toàn không thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Nếu chúng sinh nào tin Phật, Pháp, Tăng không có biến đổi, sinh lòng cung kính thì nên biết đều là năng lực của nhân duyên chuyên tâm tư duy. Nhân đó đoạn trừ được tất cả phiền não. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần gũi với Đại Bát Niết Bàn.

Thế nào là Bồ-tát như pháp tu hành? Này thiện nam! Đoạn trừ các pháp ác, tu tập pháp thiện, đó gọi là Bồ-tát như pháp tu hành. Lại nữa, thế nào là như pháp tu hành? Thấy tất cả các pháp là rỗng không, không thật có, là vô thường, vô lạc, vô ngã, bất tịnh. Nhờ sự thấy này nên thà bỏ thân mạng chứ không phạm giới cấm. Đây gọi là Bồ-tát như pháp tu hành. Lại nữa, như pháp tu hành là thế nào? Tu tập có hai loại: Một là chân thật, hai là không chân thật. Không chân thật là không biết Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng,



tướng thật, tướng hư không. Đó gọi là không chân thật. Thế nào là chân thật? Có thể biết Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không. Đó gọi là chân thật. Thế nào gọi là biết tướng của Niết-bàn? Tướng của Niết-bàn gồm có tám tính chất. Những gì là tám? Một là tận, hai là tánh thiện, ba là thật, bốn là chân, năm là thường, sáu là lạc, bảy là ngã, tám là tịnh. Đó gọi là Niết-bàn. Lại có tám tính chất. Những gì là tám? Một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là không thật, bốn là không chân, năm là vô thường, sáu là vô lạc, bảy là vô ngã, tám là vô tịnh. Lại có sáu tướng: Một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là không thật, bốn là không chân, năm là an lạc, sáu là thanh tịnh. Nếu có chúng sinh nào nương theo đạo thế tục để đoạn trừ phiền não thì Niết-bàn như vậy có tám điều giải thoát không thật. Vì sao? Vì vô thường, vì vô thường nên không có thật, vì không có thật nên không có chân, tuy đoạn trừ phiền não nhưng sinh khởi trở lại nên vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Đó là tám điều giải thoát của Niết-bàn. Sáu tướng đó như thế nào? Hàng Thanh văn, Duyên giác đoạn trừ phiền não gọi là giải thoát nhưng chưa thể đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên gọi là không thật. Vì không thật nên gọi là không chân, vào đời vị lai sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác gọi là vô thường. Vì chứng được Thánh đạo vô lậu nên gọi là tịnh lạc. Này thiện nam! Nếu biết như vậy là biết Niết-bàn thì không gọi là Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không.

Bồ-tát biết về Phật tánh như thế nào? Phật tánh có sáu. Những gì là sáu? Một là thường, hai là tịnh, ba là thật, bốn là thiện, năm là đương kiến, sáu là chân. Lại có bảy tính chất: một là có thể chứng và sáu tính chất trên. Đó gọi là Bồ-tát biết về Phật tánh.

Bồ-tát biết tướng của Như Lai như thế nào? Như Lai chính là tướng giác ngộ, tướng tốt đẹp, là thường, lạc, ngã, tịnh, là giải thoát chân thật, chỉ dạy đạo lý có thể thấy được. Đó gọi là Bồ-tát biết tướng của Như Lai.

Bồ-tát biết tướng của Pháp như thế nào? Pháp ấy hoặc thiện, chẳng thiện; hoặc thường, chẳng thường; hoặc lạc, chẳng lạc; hoặc ngã, vô ngã; hoặc tịnh, bất tịnh; hoặc biết, chẳng biết; hoặc hiểu,

chẳng hiểu; hoặc chân, chẳng chân; hoặc tu tập, chẳng tu tập; hoặc thấy, chẳng thấy; hoặc thật, chẳng thật. Đó gọi là Bồ-tát biết tướng của Pháp.

Bồ-tát biết tướng của Tăng như thế nào? Tăng ấy, hoặc thường, lạc, ngã, tịnh là tướng đệ tử, tướng có thể thấy, là chân thật, chẳng chân thật. Vì sao? Vì tất cả Thanh văn sẽ chứng đắc Phật đạo. Vì sao gọi là chân? Vì giác ngộ pháp tánh, nên gọi là Bồ-tát biết tướng của Tăng.

Bồ-tát biết thật tướng như thế nào? Thật tướng ấy, hoặc thường, vô thường; hoặc lạc, vô lạc; hoặc ngã, vô ngã; hoặc tịnh, bất tịnh; hoặc thiện, bất thiện; hoặc có, hoặc không; hoặc Niết-bàn, chẳng phải Niết-bàn; hoặc giải thoát, chẳng phải giải thoát; hoặc biết, không biết; hoặc đoạn, không đoạn; hoặc chứng, không chứng; hoặc tu, không tu; hoặc thấy, không thấy, đó gọi là thật tướng, chẳng phải Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không. Đó gọi là Bồ-tát nhân tu kinh Đại Niết-bàn như vậy mà biết tướng sai khác của các pháp Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh vi diệu Đại Niết-bàn vẫn không thấy hư không. Vì sao? Vì Phật và Bồ-tát dù có ngũ nhãn nhưng cũng không thấy, chỉ có tuệ nhãn mới có khả năng thấy được. Cái thấy của tuệ nhãn là không có pháp có thể thấy, nên gọi là thấy. Nếu không có vật gọi là hư không thì hư không ấy mới gọi là thật, do vì thật nên gọi là thường không có, do thường không có nên không có lạc, ngã, tịnh.

Này thiện nam! Rỗng không gọi là không có pháp, không có pháp gọi là rỗng không. Ví như thế gian không có vật nên gọi là rỗng không. Tánh hư không cũng như vậy, vì không có cái gì nên gọi là hư không. Này thiện nam! Tánh chúng sinh cùng tánh hư không đều không có thật tánh. Vì sao? Như có người nói: “Dứt bỏ vật hiện có rồi sau mới thành không”. Nhưng hư không thật không thể tạo thành. Vì sao? Vì không có, do không có nên biết là không rỗng không. Tánh hư không này nếu có thể làm ra thì gọi là vô thường, nếu là vô thường thì không gọi là hư không. Này thiện nam! Như

người thế gian nói: “Hư không, không có sắc, không ngăn ngại thường không biến đổi”. Do đó nên thế gian gọi là tánh hư không là đại chủng thứ năm. Nay thiện nam! Nhưng hư không này thật không có tánh, do ánh sáng nên gọi là hư không, thật không có hư không. Giống như thế để thật ra không có tánh, vì chúng sinh nên nói có thế để. Nay thiện nam! Thế của Niết-bàn cũng như vậy, không có chỗ trụ, chính là nơi chư Phật dứt sạch phiền não nên gọi Niết-bàn. Niết-bàn tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Niết-bàn tuy lạc nhưng chẳng phải thọ lạc, mà chính là cái lạc tịch diệt thượng diệu. Chư Phật Như Lai có hai thứ lạc: Một là tịch diệt lạc, hai là giác tri lạc. Thế thật tướng có ba thứ lạc: Một là thọ lạc, hai là tịch diệt lạc, ba là giác tri lạc. Phật tánh có một thứ lạc sẽ được thấy lúc chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là Bồ-đề lạc

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu phiền não dứt sạch là Niết-bàn thì điều đó không đúng. Vì sao? Vì xưa kia lúc Như Lai mới thành đạo đi đến bờ sông Ni-liên-thiền, khi ấy Ma vương cùng quyến thuộc đi đến chỗ Đức Phật thưa: “Thời kỳ Niết-bàn đã đến sao Thế Tôn không nhập”. Phật bảo Ma vương: “Nay Ta chưa có hàng đệ tử học rộng giữ giới tinh nghiêm, trí tuệ thông minh, có thể giáo hóa chúng sinh, nên Ta không nhập Niết-bàn”. Vậy nếu nói phiền não dứt sạch là Niết-bàn thì chư Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp đã dứt trừ phiền não cố sao không được gọi là Niết-bàn? Đều dứt trừ phiền não như nhau, cố sao chỉ nói riêng chư Phật có Niết-bàn, còn Bồ-tát thì không có? Nếu dứt trừ phiền não chẳng phải Niết-bàn thì cố sao ngày xưa Như Lai bảo ông Bà-la-môn Sinh Danh: “Thân Ta đây tức là Niết-bàn”. Khi Như Lai ở nước Tỳ-xá-ly, Ma vương lại đến thưa: “Ngày trước Như Lai nói chưa có đệ tử học rộng, trì giới, trí tuệ thông minh, có thể giáo hóa chúng sinh nên không nhập Niết-bàn, nay đã đầy đủ sao Thế Tôn không nhập?”. Bấy giờ, Như Lai bảo Ma vương: “Ông chớ sinh tưởng lo ngại, ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết-bàn”. Bạch Thế Tôn! Giả sử diệt độ chẳng nhập Niết-bàn thế sao Như Lai hẹn ba tháng sẽ nhập Niết-bàn? Bạch Thế Tôn! Nếu diệt trừ phiền não là Niết-bàn

thì trước kia Như Lai ngồi tại cây Bồ-đề, ở đạo tràng dứt hết phiền não tức là Niết-bàn, cơ sao lại nói ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn? Bạch Thế Tôn! Nếu lúc đó là Niết-bàn thì sao nói với các lực sĩ ở thành Câu-thi-na là cuối đêm Như Lai sẽ nhập Niết-bàn? Như Lai là bậc chân thật sao lại nói ra những lời hư dối?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Này thiện nam! Nếu nói Như Lai được tướng lưỡi dài, rộng, thì biết rằng từ vô lượng kiếp Như Lai đã xa lìa vọng ngữ. Tất cả chư Phật và Bồ-tát, phàm có nói ra đều là lời chân thật, không hư dối. Này thiện nam! Như lời ông đã nói, ngày trước Ba-tuần thỉnh Ta nhập Niết-bàn, nhưng này thiện nam! Ma vương thật sự không biết tướng Niết-bàn. Vì sao? Vì ý Ba-tuần cho rằng không giáo hóa chúng sinh, yên lặng mà an trú thì đó là Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như người ở đời thấy có người nào không nói không làm thì cho là người này không khác gì như người chết. Ý của Ma vương Ba-tuần cũng như vậy, cho rằng Như Lai không giáo hóa chúng sinh, yên lặng không nói gì là Như Lai đã nhập Niết-bàn.

Này thiện nam! Như Lai không nói Phật, Pháp, Tăng không có tướng sai khác, chỉ nói hai pháp thường trụ, thanh tịnh không sai khác. Này thiện nam! Phật cũng không nói Phật và Phật tánh, Niết-bàn không có tướng sai khác, chỉ nói thường hằng bất biến là không sai khác. Thiện nam! Phật cũng không nói Niết-bàn và thật tướng không có tướng sai khác, chỉ nói thường trụ thật không biến đổi không sai khác.

Này thiện nam! Bấy giờ, hàng đệ tử Thanh văn của Ta sinh tranh cãi như các Tỳ-kheo ác ở nước Câu-diêm-di làm trái lời Ta dạy, phạm nhiều giới cấm, nhận vật bất tịnh, tham cầu lợi dưỡng, đến nơi Bạch y tự khen ngợi mình đã chứng được pháp vô lậu, đó là quả Tu-đà-hoàn cho đến chứng được quả A-la-hán, hủy nhục người khác. Đối với Phật, Pháp, Tăng, Giới luật, Hòa thượng không sinh tâm cung kính. Công khai ở trước Ta nói những vật như vậy, Phật cho cất giữ; những vật như vậy, Phật không cho cất giữ. Ta nói

những vật như vậy thật Ta không cho phép. Nay ngược lại lời Ta nói rằng những vật như vậy thật là Phật cho phép. Những người xấu ác này không tin lời dạy của Ta, vì thế cho nên Ta bảo Ba-tuần: “Người chớ lo ngại, ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết-bàn”. Đây thiện nam! Nhân vì các Tỳ-kheo xấu ác này nên khiến hàng đệ tử Thanh văn thọ học không thấy thân Ta, không nghe pháp Ta bèn nói Như Lai nhập Niết-bàn, chỉ có các Bồ-tát mới có thể thấy thân Ta, thường nghe pháp Ta. Cho nên không nói Ta nhập Niết-bàn. Hàng đệ tử Thanh văn tuy nói Như Lai nhập Niết-bàn nhưng đúng thật Ta không nhập Niết-bàn. Nếu đệ tử Thanh văn của Ta nói Như Lai nhập Niết-bàn thì nên biết người ấy chẳng phải đệ tử của Ta, là bè đảng của ma, là người tà kiến chẳng phải chánh kiến. Nếu nói Như Lai không nhập Niết-bàn thì nên biết người đó đúng thật đệ tử Ta, chẳng phải bè đảng của ma, là người chánh kiến, chẳng phải tà kiến.

Này thiện nam! Trước kia Ta không thấy trong hàng đệ tử có người nào nói rằng Như Lai không giáo hóa chúng sinh, yên lặng mà an trú gọi là Bát-niết-bàn. Đây thiện nam! Ví như trưởng giả có nhiều con cái, bỏ đến xứ khác, trong lúc chưa trở về, các con nghĩ rằng cha đã chết, nhưng Trưởng giả này thật không chết mà những người con sinh tưởng điên đảo cho là đã chết. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, vì không thấy Ta nên liền nghĩ Như Lai đã nhập Niết-bàn ở trong rừng Ta-la song thọ, tại thành Câu-thi-na, nhưng thật Ta không nhập Niết-bàn mà hàng đệ tử Thanh văn tưởng nhập Niết-bàn. Đây thiện nam! Ví như ngọn đèn sáng có người che kín, những kẻ không biết cho là đèn đã tắt, nhưng ngọn đèn này thật không tắt, vì không biết nên tưởng là tắt. Hàng đệ tử Thanh văn cũng như vậy, dầu có mắt trí tuệ nhưng bị phiền não ngăn che, khiến tâm điên đảo không thấy thân chân thật của Phật, nên tưởng là Phật diệt độ, thật ra Ta không diệt độ.

Này thiện nam! Như người mù bẩm sinh không thấy mặt trời, mặt trăng, do không thấy nên không biết tướng ngày đêm, tối sáng; do không biết nên liền nói không có mặt trời, mặt trăng. Thật có mặt trời, mặt trăng nhưng không thấy; do không thấy nên sinh tưởng điên đảo nói không có mặt trời, mặt trăng. Như người mù kia, hàng đệ tử

Thanh văn cũng như vậy, không thấy Như Lai liền cho là Như Lai nhập Niết-bàn; Như Lai không nhập Niết-bàn, vì điên đảo vọng tưởng, cho nên sinh tâm như vậy. Nay thiện nam! Ví như mây mù che khuất mặt trời, mặt trăng, người ngu si liền nói không có mặt trời, mặt trăng, nhưng thật có mặt trời, mặt trăng, vì bị che lấp nên chúng sinh không thấy. Hàng đệ tử Thanh văn cũng như vậy, do phiền não ngăn che mất trí tuệ nên không thấy Như Lai, bèn nói Như Lai nhập Niết-bàn. Nay thiện nam! Thật sự là Như Lai hiện hạnh Anh nhi, chứ chẳng phải diệt độ. Nay thiện nam! Như lúc mặt trời lặn ở cõi Diêm-phù-đề, vì Hắc sơn che khuất nên chúng sinh không thấy. Tánh mặt trời thật ra không có lặn, chúng sinh không thấy nên tưởng là lặn. Hàng đệ tử Thanh văn cũng như vậy, bị núi phiền não ngăn che nên không thấy thân Ta, do không thấy nên sinh tưởng Như Lai diệt độ, mà thật Ta không diệt độ. Do đó, nên Ta ở nước Tỳ-xá-ly bảo Ba-tuần là ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết-bàn

Nay thiện nam! Như Lai thấy trước Bồ-tát Ca-diếp ba tháng sau căn lành sẽ thành thực, cũng thấy ông Tu-bạt-đà-la ở Hương sơn, an cư xong sẽ đến chỗ Ta, nên Ta bảo Ma vương Ba-tuần là ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn. Nay thiện nam! Có năm trăm lực sĩ, mãn ba tháng cũng sẽ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta vì họ nên bảo Ba-tuần là ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn. Nay thiện nam! Nhóm của ông Thuần-đà và năm trăm người nữ *Lê-xa am-la quả*, ba tháng sau thiện căn của đạo tâm vô thượng sẽ thành thực, vì những người này nên Ta bảo Ba-tuần là ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn. Nay thiện nam! Ông Tu-na-sát-đa thân cận ngoại đạo Ni-kiền-tử. Ta vì ông thuyết pháp trọn mười hai năm, nhưng người kia vì tà kiến nên không tin tưởng, không lãnh thọ. Ta biết người này nguồn gốc tà kiến, sau ba tháng quyết định có thể dứt trừ. Vì thế nên Ta bảo Ba-tuần là sau ba tháng sẽ nhập Niết-bàn.

Nay thiện nam! Do nhân duyên gì mà ngày trước ở bên sông Ni Liên Ta bảo ma Ba-tuần: “Ta nay chưa có hàng đệ tử học rộng trí tuệ nên không nhập Niết-bàn?”. Lúc đó Ta muốn chuyển pháp luân độ năm vị Tỳ-kheo ở Ba-la-nại, lại muốn vì năm trăm Tỳ-kheo như Da-xá, Phú-na, Tỳ-ma-la-xà, Kiều-phạm Ba-đề, Tu-bà-hầu, lại

muốn độ cho trưởng giả Úc-già cùng năm mươi người, muốn độ vua Tần-bà-sa-la nước Ma-già-đà, muốn độ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và môn đồ năm trăm Tỳ-kheo, muốn độ hai anh em Na-đề Ca-diếp, Già-da Ca-diếp và năm trăm đệ tử, lại muốn chuyển pháp luân vi diệu độ Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, nên Ta bảo Ma vương Ba-tuần là không nhập Niết-bàn.

Này thiện nam! Có Niết-bàn chẳng phải Đại Niết-bàn. Thế nào là Niết-bàn chẳng phải Đại Niết-bàn? Không thấy Phật tánh mà dứt phiền não thì gọi là Niết-bàn, chẳng phải Đại Niết-bàn. Do không thấy Phật tánh nên vô thường, vô ngã, chỉ có lạc, tịnh, vì nghĩa này nên tuy đoạn trừ phiền não, mà vẫn không được gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu thấy Phật tánh có thể đoạn trừ phiền não thì gọi là Đại Niết-bàn. Do thấy Phật tánh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì nghĩa này nên đoạn trừ phiền não cũng được gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Này thiện nam! Niết là không, Bàn là dết, nghĩa không dết gọi là Niết-bàn; Bàn là ngăn che, không ngăn che gọi là Niết-bàn; Bàn là đi đến, không đi, không đến gọi là Niết-bàn; Bàn là nắm lấy, nghĩa không nắm lấy gọi là Niết-bàn; Bàn là bất định, không bất định gọi là Niết-bàn; Bàn là mới nên không mới là nghĩa Niết-bàn; Bàn là chướng ngại, nghĩa không chướng ngại mới gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Có hàng đệ tử của phái Ưu-la-ca, Ca-tỳ-la nói Bàn là tướng, nghĩa không tướng mới gọi là Niết-bàn. Thiện nam! Bàn là có, nghĩa không có mới gọi là Niết-bàn; Bàn là hòa hợp, nghĩa không hòa hợp mới gọi là Niết-bàn; Bàn là khổ, nghĩa không khổ mới gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Đoạn trừ phiền não không gọi là Niết-bàn, không sinh phiền não mới gọi là Niết-bàn. Thiện nam! Chư Phật Như Lai không khởi phiền não gọi là Niết-bàn. Có trí tuệ đối với pháp không chướng ngại gọi là Như Lai. Như Lai chẳng phải là phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, mà gọi là Phật tánh. Thân tâm trí tuệ của Như Lai đầy khắp vô lượng, vô biên, vô số cõi không bị chướng ngại, gọi là hư không. Như Lai thường trụ, không biến đổi, gọi là thật tướng. Do nghĩa này nên Như Lai thật không hoàn toàn nhập Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu

Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát làm thế nào để tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ tám? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn, diệt trừ năm việc, xa lìa năm việc, thành tựu sáu việc, tu tập năm việc, giữ gìn một việc, gần gũi bốn việc, tin thuận mọi sự thật, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát.

Này thiện nam! Bồ-tát diệt trừ năm việc là những gì? Đó là năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Cái gọi là ấm nghĩa là gì? Nghĩa là có thể làm cho chúng sinh, sinh tử liên tục, không xa lìa gánh nặng chia lìa, tụ hội, ràng buộc trong ba đời, tìm cầu nghĩa lý đó không thể nắm bắt được. Do những nghĩa này nên gọi là ấm. Đại Bồ-tát tuy thấy sắc ấm, nhưng không thấy tướng của nó. Vì sao? Vì trong mười sắc tuy tìm tánh của nó đều không thể được, vì thuận theo thế tục nên gọi là ấm. Thọ có một trăm lẻ tám thứ. Bồ-tát tuy thấy thọ ấm nhưng không thấy tướng thọ. Vì sao? Vì thọ tuy có một trăm lẻ tám nhưng nghĩa lý không chắc thật. Cho nên Bồ-tát không thấy thọ ấm, tưởng, hành, thức v.v... cũng như vậy. Đại Bồ-tát thấy sâu xa năm ấm là nguồn gốc sinh ra phiền não. Do nghĩa này nên dùng phương tiện làm cho diệt trừ.

Bồ-tát xa lìa năm việc là những gì? Đó là năm kiến. Những gì là năm? Một là thân kiến, hai là biên kiến, ba là tà kiến, bốn là giới thủ, năm là kiến thủ. Do năm kiến này, sinh ra sáu mươi hai kiến, do các kiến này mà sinh tử không dứt. Cho nên, Bồ-tát phòng hộ không thân cận.

Bồ-tát thành tựu sáu việc là những gì? Đó là sáu niệm xứ. Những gì là sáu? Một là niệm Phật, hai là niệm Pháp, ba là niệm Tăng, bốn là niệm Thiện, năm là niệm Thí, sáu là niệm Giới. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu sáu việc.

Bồ-tát tu tập năm việc là những gì? Đó là năm định: Một là định tri, hai là định tịch, ba là thân tâm thọ định an lạc, bốn là định vô lạc, năm là định Thủ-lăng-nghiêm. Tu tập năm thứ định tâm này thì gần gũi Đại Bát Niết Bàn. Vì thế nên Bồ-tát chuyên tâm tu tập.



Bồ-tát giữ gìn một việc đó là gì? Đó là tâm Bồ-đề. Đại Bồ-tát thường siêng năng giữ gìn tâm Bồ-đề, như người ở đời giữ gìn đứa con một. Cũng như người bị mù một con mắt, giữ gìn con mắt còn lại, như người đi giữa rừng hoang vắng bảo vệ người dẫn đường. Bồ-tát giữ gìn tâm Bồ-đề cũng như vậy. Do giữ gìn tâm Bồ-đề như thế nên chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên đầy đủ thường, lạc, ngã, tịnh, tức là Đại Bát Niết Bàn vô thượng. Vì thế nên Bồ-tát giữ gìn một pháp.

Bồ-tát gần gũi bốn việc là những gì? Đó là bốn tâm vô lượng. Những gì là bốn? Một là đại từ, hai là đại bi, ba là đại hỷ, bốn là đại xả. Do bốn tâm này có thể làm cho vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Bồ-đề, cho nên Bồ-tát luôn gần gũi.

Bồ-tát tin thuận một sự thật là gì? Bồ-tát biết rõ tất cả chúng sinh đều trở về một đạo. Một đạo đó là Đại thừa. Chư Phật, Bồ-tát vì chúng sinh nên phân làm ba thừa. Cho nên Bồ-tát tin thuận không trái nghịch.

Thế nào là tâm Bồ-tát hoàn toàn giải thoát? Đó là tâm tham, sân, si vĩnh viễn đoạn trừ nên gọi là tâm Bồ-tát hoàn toàn giải thoát.

Thế nào là tuệ Bồ-tát hoàn toàn giải thoát? Đại Bồ-tát đối với tất cả các pháp, rõ biết không chướng ngại. Đó gọi là tuệ Bồ-tát hoàn toàn giải thoát. Do tuệ được giải thoát nên những pháp từ xưa chưa nghe nay được nghe, từ xưa không thấy nay được thấy, từ xưa không đến nay được đến.

Khi ấy, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn đã giảng nói về tâm giải thoát, thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao? Vì tâm vốn không trói buộc. Vì sao? Vì bản tánh của tâm không bị tham dục, sân giận, ngu si, các kiết sử trói buộc. Nếu vốn không trói buộc thì sao lại nói tâm hoàn toàn giải thoát. Bạch Thế Tôn! Nếu bản tánh của tâm không bị tham dục, kiết sử trói buộc thì do nhân duyên gì mà có thể trói buộc? Như người vắt sừng vốn không có sữa, nên dù tổn công sức nhưng sữa

cũng không do đâu mà chảy ra. Nếu vắt vú bò tuy tốn ít công sức nhưng có nhiều sữa chảy ra. Tâm cũng như vậy, vốn không tham, nay sao lại có? Nếu trước không tham mà sau mới có thì chư Phật Bồ-tát xưa không có tướng tham nay đáng lẽ phải có. Bạch Thế Tôn! Ví như Thạch nữ, vốn không có con dù tốn nhiều công sức nhân duyên vẫn không thể có con được. Tâm cũng như vậy, vốn không có tướng tham thì dù gây tạo nhiều nhân duyên, cũng không do đâu mà sinh được tham.

Bạch Thế Tôn! Như dùi cây ướm thì lửa không bén. Cũng như vậy, tuy tìm cầu tham nơi tâm vẫn không thể được thì tại sao tham dục, kiết sử trói buộc tâm? Bạch Thế Tôn! Ví như ép cát không thể có dầu. Tâm cũng vậy, dù có ép tìm vẫn không có tham, vậy nên biết tham, tâm hai lý khác nhau; giá như có tham thì sao có thể nhiễm ô được tâm. Bạch Thế Tôn! Ví như có người đem cọc cắm giữa hư không thì hoàn toàn không thể đứng được. Đem tham đặt vào trong tâm cũng như vậy, dù đủ các thứ nhân duyên thì cũng không thể khiến tham trói buộc được tâm. Bạch Thế Tôn! Nếu tâm không tham gọi là giải thoát thì chư Phật, Bồ-tát sao không nhổ gai trong hư không? Bạch Thế Tôn! Tâm ở đời quá khứ không gọi là giải thoát, tâm ở đời vị lai cũng không giải thoát, tâm ở đời hiện tại không cùng chung với đạo, thế thì tâm ở đời nào gọi là được giải thoát?

Bạch Thế Tôn! Như ngọn đèn quá khứ không thể diệt tối, ngọn đèn vị lai cũng không thể diệt tối, ngọn đèn hiện tại không thể diệt tối. Vì sao? Vì ánh sáng và bóng tối, cả hai không đồng thời có. Tâm cũng như vậy, sao lại nói tâm được giải thoát? Bạch Thế Tôn! Tham cũng có, nếu tham không có thì lúc thấy đáng lẽ không sinh tham. Nếu do người nữ mà sinh tham thì nên biết tham là có thật. Vì có tham nên rơi vào ba đường ác. Bạch Thế Tôn! Ví như người thấy bức họa người nữ cũng sinh tham. Vì sinh tham nên mắc nhiều tội lỗi. Nếu vốn không tham, thì tại sao thấy bức họa mà sinh tham. Nếu tâm không tham thì tại sao Như Lai nói Bồ-tát tâm được giải thoát? Nếu tâm có tham thì tại sao phải chờ thấy tướng người nữ, sau mới sinh, không thấy tướng thì không sinh? Hiện tại con thấy có quả báo

ác, nên biết có tham; sân giận, ngu si cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Ví như chúng sinh có thân không có ngã mà phàm phu chấp có ngã. Tuy có chấp ngã nhưng không rơi vào ba đường ác. Tại sao không có tướng nữ mà người tham sinh tướng nữ nên rơi vào ba đường ác? Bạch Thế Tôn! Ví như dùi cây sinh lửa, nhưng tánh lửa trong các duyên không có thì do nhân duyên gì mà sinh lửa? Bạch Thế Tôn! Tham cũng vậy, trong sắc không có tham, hương, vị, xúc, pháp cũng lại không có tham thì tại sao đối với sắc, hương, vị, xúc, pháp sinh tham? Nếu trong các duyên đều không có tham, thì tại sao riêng chúng sinh lại sinh tham, chứ Phật, Bồ-tát không sinh tham? Bạch Thế Tôn! Tâm cũng bất định. Nếu tâm định thì không có tham dục, sân giận, ngu si, nếu bất định thì sao lại nói tâm được giải thoát? Tham cũng là bất định; nếu bất định thì sao lại nhân nơi tham sinh ba đường ác. Người tham cùng cảnh giới, cả hai đều bất định. Vì sao? Vì cùng duyên một sắc, hoặc sinh tham, hoặc sinh sân, hoặc sinh ngu si. Cho nên tham cùng cảnh giới, cả hai đều bất định. Nếu đều bất định thì sao Đức Như Lai nói Bồ-tát tu tập Đại Niết-bàn thì tâm được giải thoát?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Lành thay! Lành thay! Đây thiện nam! Tâm cũng không bị tham kết trói buộc cũng chẳng phải không trói buộc, chẳng phải giải thoát, chẳng phải không giải thoát, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải hiện tại, chẳng phải quá khứ, chẳng phải tương lai. Vì sao? Đây thiện nam! Có các ngoại đạo nói rằng, nhân duyên hòa hợp thì có quả sinh ra. Nếu trong các duyên vốn không có tánh sinh mà có thể sinh ra thì hư không vốn không sinh đáng lẽ cũng sinh ra quả, nhưng hư không vẫn không sinh vì chẳng phải là nhân. Do vì trong các nhân duyên vốn có tánh quả, cho nên hòa hợp, nhóm lại thì sinh được quả. Vì sao? Như Đẽ-bà-đạt muốn xây vách tường thì dùng bùn đất, không dùng màu sắc, muốn tô vẽ tượng thì dùng màu sắc, không dùng cỏ cây. May áo thì dùng lụa, không dùng bùn, cây; xây thành thì dùng bùn, không dùng tơ lụa. Vì người lấy dùng, cho nên phải biết trong đó đều có thể sinh ra quả, vì có thể sinh được

quả nên biết trong các nhân tất đã có tánh. Nếu là không có tánh, thì trong một vật đáng lẽ sinh ra tất cả vật. Nếu có thể lấy, có thể làm, có thể sinh ra, thì nên biết trong đó trước đã có quả. Nếu không có quả thì người không lấy, không làm, không sinh ra. Chỉ có hư không vì không lấy, không làm nên có thể sinh ra tất cả vạn vật. Do vì có nhân, nên như hạt Ni-câu-đà, mọc lên cây Ni-câu-đà, trong sữa có chất đề hồ, tơi lưa có vãi, trong bùn có bình.

Này thiện nam! Tất cả phàm phu bị vô minh làm cho tâm tối nên lập ra định thuyết này. Sắc có nghĩa đấm trước, tâm có tánh tham. Lại nói tâm phàm phu có tánh tham, cũng có tánh giải thoát, gặp nhân duyên tham thì tâm sinh tham, nếu gặp được duyên giải thoát thì tâm giải thoát. Tuy lập thuyết này nhưng nghĩa ấy không đúng. Có hạng phàm phu lại nói: “Trong tất cả nhân đều không có quả, nhân có hai thứ: Một là vi tế, hai là thô. Tế tức là thường. Từ nhân tế chuyển thành nhân thô, từ nhân thô này chuyển thành nhân quả. Vì nhân thô vô thường nên quả cũng vô thường”.

Này thiện nam! Có hạng phàm phu lại nói: Tâm không có nhân, tham cũng không có nhân, do thời tiết nên sinh tâm tham, những hạng như vậy, vì không biết nhân duyên của tâm nên luân hồi trong sáu đường, chịu đủ sinh tử. Này thiện nam! Ví như chó bị xiềng lại nơi cây cột, trọn ngày đi quanh cây cột, không thể thoát được. Tất cả phàm phu cũng như vậy, bị xiềng vô minh trói vào cột sinh tử, cứ xoay quanh ở hai mươi lăm cõi không thể lìa xa được. Này thiện nam! Ví như có người rơi vào hầm xí, đã được ra khỏi rồi lại trở vào; như người bệnh được lành, trở lại làm nhân cho bệnh; như người đi đường gặp chỗ hoang vắng, đã qua được rồi nhưng lại trở lại; như người tắm rửa sạch sẽ trở lại lấy bùn, đất bôi vào; tất cả phàm phu cũng như vậy, đã được giải thoát cõi Vô sở hữu, chỉ chưa thoát khỏi cõi Phi phi tưởng, trở lại đi vào ba đường ác. Vì sao? Vì tất cả phàm phu chỉ quán sát quả mà không quán sát nhân duyên. Như con chó đuổi theo cục đất, không đuổi theo người, hạng phàm phu cũng như vậy, chỉ quán quả mà không quán nhân duyên. Do không quán nhân duyên, nên từ cõi Phi phi tưởng trở lại ba đường ác.

Này thiện nam! Chư Phật Bồ-tát không bao giờ nói quả quyết

rằng trong nhân có quả hay trong nhân không có quả, và vừa có quả vừa không có quả, chẳng phải có hay chẳng phải không có quả. Nếu cho rằng chắc chắn trong nhân có quả và quyết định không có quả, quyết định vừa có quả vừa không quả, quyết định chẳng phải có hay chẳng phải không quả thì nên biết đây là bè đảng của ma, hệ thuộc về ma tức là người tham ái, người tham ái như thế tức là không thể dứt tuyệt sự trói buộc của sinh tử, không biết rõ tướng của tâm và tướng của tham. Nay thiện nam! Chư Phật Bồ-tát hiển bày trung đạo. Vì sao? Vì tuy nói các pháp chẳng phải có chẳng phải không nhưng không quyết định. Vì sao? Vì nhân mắt, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân tâm, nhân niệm mà sinh ra thức. Thức này quyết định không ở trong mắt, trong sắc, trong ánh sáng, trong tâm, trong niệm, cũng chẳng ở chính giữa, chẳng phải có, chẳng phải không. Vì từ các nhân duyên sinh nên gọi là có, không tự tánh nên gọi là không. Cho nên, Như Lai nói các pháp chẳng có chẳng không.

Nay thiện nam! Chư Phật Bồ-tát hoàn toàn không nói quả quyết là tâm có tánh thanh tịnh và tánh không thanh tịnh. Tâm tịnh hay bất tịnh không có chỗ trụ. Do từ duyên sinh tham, nên nói chẳng phải không, vốn không có tánh tham nên nói chẳng phải có. Nay thiện nam! Do từ nơi duyên mà tâm sinh tham, từ nơi duyên mà tâm được giải thoát. Thiện nam! Nhân duyên có hai: Một là theo sinh tử, hai là theo Đại Niết-bàn.

Nay thiện nam! Vì có nhân duyên nên tâm cùng với tham sinh cùng với tham diệt. Có nhân duyên nên tâm cùng tham sinh nhưng không cùng tham diệt; có nhân duyên tâm không cùng tham sinh nhưng cùng tham diệt; có nhân duyên tâm không cùng tham sinh cũng không cùng tham diệt.

Thế nào là tâm cùng với tham sinh, cùng với tham diệt? Nay thiện nam! Nếu có phàm phu chưa dứt trừ tâm tham, tu tập tâm tham thì hạng người như vậy tâm cùng với tham sinh, cùng với tham diệt. Tất cả chúng sinh chẳng dứt tâm tham thì tâm cùng tham sinh, tâm cùng tham diệt. Như chúng sinh ở Dục giới, tất cả đều có vị thiền Sơ địa; hoặc tu hay không tu, gặp nhân duyên thì liền được thành tựu. Nói nhân duyên là chỉ cho hỏa tai. Tất cả phàm phu cũng như vậy,

hoặc tu hay không tu, tâm cùng với tham sinh, tâm cùng tham diệt. Vì sao? Vì không đoạn trừ tham.

Thế nào là tâm cùng với tham sinh, không cùng với tham diệt? Hàng đệ tử Thanh văn có nhân duyên nên sinh tâm tham, sợ tâm tham nên tu quán bạch cốt. Đó gọi là tâm cùng với tham sinh, không cùng tham diệt. Lại có tâm cùng với tham sinh không cùng tham diệt, như hàng Thanh văn chưa chứng quả A-la-hán có nhân duyên nên sinh tâm tham. Khi chứng quả A-la-hán thì tâm tham liền diệt. Đó gọi là tâm cùng tham sinh, không cùng tham diệt. Đại Bồ-tát khi chứng đắc địa Bất động, tâm cùng với tham sinh, không cùng tham diệt.

Thế nào là tâm không cùng với tham sinh mà cùng với tham diệt? Đại Bồ-tát đã dứt trừ tâm tham, vì chúng sinh nên thị hiện có tham, vì thị hiện nên có thể khiến vô lượng, vô biên chúng sinh học hỏi, lãnh thọ, thành tựu đầy đủ pháp thiện. Đó gọi là tâm không cùng với tham sinh, mà cùng với tham diệt.

Thế nào là tâm không cùng với tham sinh, không cùng với tham diệt? Nghĩa là bậc A-la-hán, Duyên giác, chư Phật, Bồ-tát trừ địa Bất động, gọi là tâm không cùng với tham sinh, không cùng với tham diệt. Do những nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát không quả quyết nói là tâm tánh vốn thanh tịnh hay tâm tánh vốn không thanh tịnh. Nay thiện nam! Tâm này không cùng với tham kết hòa hợp, không cùng với sân si hòa hợp. Thiện nam! Như mặt trời, mặt trăng bị khói, bụi, mây mù, sao La-hầu che lấp, vì nhân duyên này làm cho chúng sinh không thể thấy được, tuy không thể thấy nhưng tánh mặt trời, mặt trăng hoàn toàn không cùng hòa hợp với năm thứ kia. Tâm cũng như vậy, do nhân duyên mà sinh ra tham kết. Chúng sinh tuy nói tâm cùng với tham hòa hợp nhưng thật ra tâm tánh không cùng với tham hòa hợp. Nếu là tâm tham tức là tánh tham, nếu là tâm không tham thì tánh cũng không tham. Tâm không tham thì không thể làm việc tham, tâm có tham thì không thể không tham. Nay thiện nam! Do nghĩa này nên kiết sử tham dục không thể làm nhiệm ô tâm. Chư Phật, Bồ-tát phá hết tham kết, cho nên nói là tâm được giải thoát. Tất cả chúng sinh do nhân duyên mà sinh tham kết,

do nhân duyên mà tâm được giải thoát.

Này thiện nam! Ví như núi Tuyết, chỗ cao chót vót, người và khỉ đều không thể đi được, hoặc có chỗ khỉ đi được, người không đi được; hoặc lại có chỗ người và khỉ cả hai đều không đi được. Này thiện nam! Chỗ mà người và khỉ đi được thì thợ săn chuyên dùng keo nhựa đặt trên bàn dùng để bắt khỉ, khỉ ngu si nên chạm tay vào, tay dính vào nhựa, muốn gỡ tay ra khỉ phải dùng chân đạp, lại dính luôn chân; muốn gỡ chân khỉ dùng miệng cắn, dính luôn cả miệng. Như vậy năm chi đều không thoát ra được. Lúc này thợ săn dùng đòn xô vô và mang về nhà. Chỗ cao vót của núi Tuyết dụ cho Phật, Bồ-tát chứng đắc chánh đạo, khỉ dụ cho hàng phàm phu, thợ săn dụ cho ma Ba-tuần, keo nhựa dụ cho sự trói buộc của tham dục. Người cùng khỉ đều không đi được dụ cho hàng phàm phu, Ma vương Ba-tuần đều không thể tu hành. Khỉ đi được, người không thể đi dụ cho hàng ngoại đạo có trí tuệ, các ác ma tuy dùng năm thứ dục cũng không trói buộc được họ. Người cùng khỉ đều đi được dụ cho tất cả phàm phu và ma Ba-tuần, thường ở trong sinh tử không thể tu hành. Hàng phàm phu bị năm dục trói buộc khiến ma Ba-tuần tự tại dẫn đi, như thợ săn kia dùng keo nhựa bắt khỉ mang về nhà.

Này thiện nam! Ví như quốc vương ở yên trong nước của mình thì thân tâm an lạc, nếu đến nước khác thì gặp nhiều sự khổ. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu có thể tự an trụ trong cảnh giới của mình thì được an lạc, nếu đến cảnh giới khác thì gặp ác ma, chịu các khổ não. Tự an trú trong cảnh giới tức là bốn niệm xứ. Cảnh giới khác tức là năm dục. Thế nào gọi là bị lệ thuộc ma? Có các chúng sinh vô thường thấy thường, thường thấy vô thường; khổ thấy vui, vui thấy khổ; bất tịnh thấy tịnh, tịnh thấy bất tịnh; vô ngã thấy ngã, ngã thấy vô ngã; chẳng phải thật giải thoát lại thấy giải thoát, chân thật giải thoát thấy chẳng giải thoát; chẳng phải thừa thấy thừa, thừa thấy chẳng thừa. Hạng người như vậy gọi là bị lệ thuộc ma. Người bị lệ thuộc ma thì tâm không thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu thấy các pháp quả thật có tướng nhất định tổng – biệt thì nên biết người này nếu thấy sắc thường khởi tướng sắc, cho đến thấy tướng thức cũng khởi tướng thức, thấy

nam khởi tướng nam, thấy nữ khởi tướng nữ, thấy ngày khởi tướng ngày, thấy tháng khởi tướng tháng, thấy năm khởi tướng năm, thấy ấm khởi tướng ấm, thấy nhập khởi tướng nhập, thấy giới khởi tướng giới. Người thấy như vậy gọi là lệ thuộc ma. Người lệ thuộc ma thì tâm không thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu thấy ngã là sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, sắc thuộc về ngã, cho đến thấy ngã là thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức, thức thuộc về ngã, thì người thấy như vậy là lệ thuộc ma, chẳng phải đệ tử của Ta.

Này thiện nam! Hàng đệ tử Thanh văn của Ta xa lìa Mười hai bộ loại kinh văn của Như Lai, tu tập các thứ sách xưa của ngoại đạo, không tu pháp tịch diệt xuất gia, chuyên kinh doanh việc ở nhà thế tục. Những gì gọi là việc ở nhà thế tục? Nhận chứa nuôi tất cả vật bất tịnh, tôi tớ, ruộng, nhà, voi, ngựa, xe, lạc đà, lừa, gà, chó, khỉ, heo, dê, các thứ lúa bắp, xa lìa chúng Tăng, gần gũi Bạch y, trái nghịch Thánh giáo, hướng đến hàng Bạch y bảo: “Đức Phật cho phép Tỳ-kheo nhận chứa, nuôi những vật bất tịnh”. Đó gọi là tu tập việc ở đời. Có hàng đệ tử không vì Niết-bàn, chỉ vì lợi dưỡng mà gần gũi, nghe nhận, lãnh thọ, Mười hai bộ loại kinh văn, dùng y phục, thực phẩm, vật của thường trụ và vật của chúng Tăng như của riêng mình, tham tiếc vật của nhà người, dùng lời khen ngợi, gần gũi quốc vương và các vương tử, bói quẻ, tốt xấu, suy tính thịnh suy, đánh cờ vây, cờ lục bác, xai bò, ném thẻ, gần gũi với Tỳ-kheo-ni và gái chưa chồng, nuôi dưỡng hai hạng Sa-di, thường đến chơi nhà đồ tể, thợ săn, quán rượu, vô chỗ ở của Chiên-đà-la, mua bán các thứ, tự tay làm thức ăn, nhận làm sứ giả nước láng giềng, lãnh sứ mạng thông tin. Những người như vậy là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử của Ta. Do nhân duyên ấy mà tâm cùng với tham sinh, tâm cùng với tham diệt v.v... Cho đến tâm si cùng sinh cùng diệt cũng như vậy. Này thiện nam! Vì nhân duyên này nên tánh của tâm bất tịnh cũng chẳng phải bất tịnh. Cho nên, Ta nói tâm được giải thoát. Nếu có người không cất giữ tất cả vật bất tịnh vì Đại Niết-bàn mà thọ trì, biên chép, giảng nói, đọc tụng Mười hai bộ loại kinh văn thì nên biết, người này thật là đệ tử của Ta, không đi vào cảnh giới của ma



ác Ba-tuần, tu tập ba mươi bảy phần trợ đạo. Vì tu tập nên không cùng với tham sinh, cũng không cùng với tham diệt. Đó gọi là Bồ-tát tu tập kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, thành tựu đầy đủ công đức thứ tám.

